

Bản án số: 1077/2024/HS-PT
Ngày 04 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H3

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Yến

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Văn Thành

Ông Lưu Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa:

Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H3 tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H3 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 984/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Trường G và bị cáo Nguyễn Đức C do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 170/2024/HS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân quận H2, thành phố H3.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. LÊ TRƯỜNG G, sinh ngày 26/10/2005 tại thành phố H3; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện B, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (đã mất) và bà Lưu Thị T1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án: Tại Bản án số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2023 (trong vụ án do Tòa án nhân dân quận Đ xét xử tại bản án số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023).

Đang thi hành án tại Trại giam X - Bộ Công an theo bản án số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ. Hiện đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an quận H. Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN ĐỨC C, sinh ngày 17/8/2002 tại tỉnh Quảng Bình; Nơi ĐKKTT: Không đăng ký; Nơi cư trú: Không nơi cư trú rõ ràng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức T2 và bà Nguyễn Thị Lệ T3; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án: Tại Bản án số

371/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2023 (trong vụ án do Tòa án nhân dân quận Đ xét xử tại bản án số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023).

Đang thi hành án tại Trại giam H1 - Bộ Công an theo bản án số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ. Hiện đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an quận H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Trần Duy K, sinh ngày 18/12/2005; Nơi ĐKKHKT: 502D tổ D phường L, quận Đ, Hà Nội; Nơi cư trú: P Chung cư B, phường P, quận H, Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam S, huyện B, thành phố H3. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này, bị cáo Đinh Công T4 không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội, Trần Duy K (Sinh ngày: 18/12/2005; Nơi cư trú: Số G Chung cư B, phường P, quận H, Hà Nội) có quen biết và phát sinh mâu thuẫn với Nguyễn Đức C, Lê Trường G, Đinh Công T4 và Trần Văn D (Sinh năm: 1999; Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa). Tối ngày 27/02/2023, C, G, D, T4 hẹn gặp nhau tại khu vực phố T để bàn bạc việc đánh K. Khoảng 0 giờ 15 phút ngày 28/02/2023, Hoàng L (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe máy Honda Wave màu đen không BKS chở K cầm theo 01 thanh kiếm dài khoảng 80cm đến khu vực phố T gặp C và G đang đứng đầu ngõ C T, phường B, quận H, Hà Nội. K cầm theo 01 thanh kiếm xuống xe vào nói chuyện với C và G. Lúc này, D và T4 đi xe máy đến. G xông vào giật thanh kiếm từ tay của K rồi cùng C, D xông vào đánh K. Sau đó, G đi ra sờ vào ba lô L đang đeo thấy có nhiều vỏ chai bia nên đã lấy ba lô cùng thanh kiếm cất vào trong ngõ C T rồi quay ra thò tay vào túi quần K để lấy điện thoại nhưng K chống cự, bị G đánh nên K đã đưa điện thoại cho G. Sau đó, C bảo cả nhóm: “đưa nó ra bãi” tức đến khu vực Chương Dương Đ để đánh và tra hỏi vì ở đó vắng vẻ và không có camera. Lúc này, G đưa lại điện thoại cho K. C nói với L và K: “Hai đứa mày lên xe”. L liền ngồi lên xe máy Honda Wave màu đen nổ máy, D xông vào giữ tay K kéo lên xe còn D ngồi phía sau giữ K. C điều khiển xe máy của D chở G đi trước dẫn đường, T4 điều khiển xe máy đi theo xe chở K.

Đến 01 giờ cùng ngày, cả nhóm về đến khu vực ngõ 46 C, phường C, quận H, Hà Nội. C, D, T4 kéo K xuống xe vào giữa ngõ 46 C và dùng chân, tay đánh K. C vừa đánh vừa tra hỏi, D vừa đánh vừa chửi còn T4 dùng tay tát vào mặt,

dùng chân đạp vào đầu K còn G kiểm tra xe máy của L phát hiện trong cốp xe có 01 con dao nhọn chuôi màu vàng (loại dao Thái Lan dùng để gọt hoa quả). G cầm con dao đi vào tra hỏi, bắt K đưa chiếc điện thoại di động Iphone 7. Quá trình kiểm tra tin nhắn điện thoại của K, G thấy có nhiều tin nhắn về việc bàn bạc với những người khác để đánh nhóm G nên cả nhóm tiếp tục lao vào đánh K bằng chân, tay. Đến 03 giờ cùng ngày, cả nhóm bảo L chở K về. Lúc này, G đưa chiếc điện thoại Iphone 7 của K cho L cầm. Sau đó, C, G, Dũng T5 đi về nhà. Đến ngày 03/3/2023, L đến gặp K trả lại chiếc điện thoại Iphone 7.

Căn cứ Thông báo kết luận định giá tài sản số 2084/TBKL – HĐĐGTS ngày 26/4/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu trắng 32GB (đã cũ, sử dụng từ năm 2017) trị giá 2.300.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức C, Lê Trường G và Đinh Công T4 khai nhận hành vi như đã nêu trên. Khi C và D đang đứng nói chuyện với nhau thấy G cầm theo 01 con dao gọt hoa quả đi về phía K. Một lúc sau, C và D đi vào thấy G đang cầm trên tay chiếc Iphone 7 và tra hỏi K về nội dung K nhắn cho những người khác về việc có ý định đánh nhóm G. Lúc này, G, C, D tiếp tục lao vào đánh K bằng chân, tay còn T4 đứng nói chuyện với L. Việc G dùng dao đe dọa yêu cầu K đưa chiếc điện thoại Iphone 7 Chiến, D, T4 không biết, không tham gia và không biết G chiếm đoạt điện thoại của K.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại điện thoại bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2024/HS- ST ngày 11/9/2024, Tòa án nhân dân quận H2, thành phố H3 đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức C; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức C 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cho cả 2 bản án là 11 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2023.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trường G phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”. Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Trường G 02 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt tù buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07

năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cho cả 2 bản án là 14 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

Ngày 26/9/2024, bị cáo Nguyễn Đức C và bị cáo Lê Trường G có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Trường G thay đổi lời khai, cho rằng bị cáo không dùng dao đe dọa chiếm đoạt điện thoại của bị hại mà bị cáo chỉ đưa dao cho bị cáo C và bị cáo C đã rút con dao đi, không có bị cáo nào dùng dao đe dọa chiếm đoạt điện thoại của bị hại. Bị cáo G chỉ dùng tay chân đe dọa bị hại K để xem tin nhắn trong điện thoại của bị hại.

- Bị cáo Nguyễn Đức C khai nhận hành vi phạm tội, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H3 sau khi phân tích nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Trường G về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản” và bị cáo Nguyễn Đức C về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và áp dụng mức hình phạt tù là có căn cứ và phù hợp. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo không bị bức cung, nhục hình nên việc thay đổi lời khai không có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ giảm hình phạt tù cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Tại lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày hoàn cảnh phải đi lao động từ sớm, kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp với Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét lời khai của bị cáo Lê Trường G tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức C tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, lời khai của bị hại và các biên bản nhận dạng, biên bản phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 28/02/2023, Lê Trường G, Nguyễn Đức C, Đinh Công T4 và đối tượng D đã có hành vi dùng chân tay đánh, kéo Trần Duy K (17 tuổi 10 tháng 10 ngày) lên xe máy do Hoàng L (hiện chưa xác định) điều khiển, K ngồi giữa còn D ngồi phía sau giữ K, C điều khiển xe máy chở G đi trước dẫn đường còn T4 điều khiển xe máy đi theo từ khu vực đầu ngõ C T, phường B, quận H, Hà Nội về khu vực ngõ D C, phường C, quận H, Hà Nội trái ý muốn rồi tiếp tục dùng chân, tay đánh K. Quá trình bắt giữ, G cầm 01 con dao nhọn chuôi màu vàng (phương tiện nguy hiểm) đe dọa chiếm đoạt của Trần Duy K 01 chiếc điện thoại Iphone 7 trị giá 2.300.000 đồng.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp bắt giữ anh Trần Duy K trái phép, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác. Bị cáo Lê Trường G đe dọa chiếm đoạt của anh K 01 chiếc điện thoại xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh K. Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Trường G về tội Bắt giữ người trái pháp luật và tội Cướp tài sản; xét xử bị cáo Nguyễn Đức C về tội Bắt giữ người trái pháp luật là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Trường G, Nguyễn Đức C nghiêm trọng, cần phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là phù hợp.

Bị cáo Lê Trường G thay đổi lời khai tại phiên tòa, tuy nhiên bị cáo khẳng định toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, bị cáo không bị ép cung, nhục hình. Do đó, việc bị cáo thay đổi lời khai không có căn cứ. Mặt khác, tại lời nói sau cùng, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét vẫn áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Trường G. Tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy các bị cáo không xuất trình chứng cứ và tình tiết nào mới, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2.3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[2.4] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 170/2024/HS-ST ngày 11/9/2024 của Toà án nhân dân quận H2, thành phố H3.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Trường G phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”.

Căn cứ: Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **LÊ TRƯỜNG G** 02 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt tù buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Toà án nhân dân quận Đ xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cho cả 2 bản án là 14 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2023.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức C.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN ĐỨC C** 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số 371/2023/HSST ngày 11/12/2023 của Toà án nhân dân quận Đ xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cho cả 2 bản án là 11 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2023.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức C và Lê Trường G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H3;
- TAND quận H2;
- VKSND quận H2;
- Công an quận H2;
- Chi cục THADS quận H2;
- TAND quận Đ;
- Trại giam X - Bộ Công an;
- Trại giam H1 - Bộ Công an;
- Nhà tạm giữ Công an quận H2;
- Bị cáo có kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

LÊ HẢI YẾN

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H3;
- TAND quận H2;
- VKSND quận H2;
- Công an quận H2;
- Chi cục THADS quận H2;
- TAND quận Đ;
- Trại giam Xuân Nguyên - Bộ Công an;
- Trại giam Hồng Ca- Bộ Công an;
- Nhà tạm giữ Công an quận H2;
- Bị cáo có kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

LÊ HẢI YẾN